

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2023 DS/ST**  
Ngày: 18/8/2023  
Việc kiện: Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - BÌNH THUẬN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Hồng Sơn
- Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: bà Phạm Thị Bích Dung - kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2023/TLST-DS, ngày 29/3/2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXX ngày 10/7/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2023/QĐST-DS ngày 28/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông **Bùi Thế N** - sinh năm 1953

Địa chỉ: thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: vợ chồng ông **Phan Tấn T** - sinh năm 1989

Bà **Bùi Thị Thanh M** - sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 27 tháng 8 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, **nguyên đơn ông Bùi Thế N trình bày:**

Vào ngày 20/12/2019 (âl) vợ chồng ông Phan Tấn T, bà Bùi Thị Thanh M có vay của ông số tiền 20.000.000 đồng, không nói thời hạn, lãi suất trong hạn 3% tháng, có làm giấy mượn tiền ghi ngày 20/12/2019

Đến ngày 29/4/2020 (âl) vợ chồng ông Phan Tấn T tiếp tục vay thêm của ông số tiền 10.000.000 đồng, không nói thời hạn, lãi suất trong hạn 3% tháng, có ghi tiếp thêm phần dưới của giấy mượn tiền ghi ngày 20/12/2019. Tổng cộng số tiền

mượn là 30.000.000 đồng.

Từ đó đến nay, vợ chồng ông T, bà M chưa trả gốc và lãi cho ông.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông T, bà M phải trả cho ông toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng, và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2023 ông Phan Tấn T trình bày:**

Vào ngày 20/12/2019 (âl) vợ chồng ông có vay của ông Bùi Thế N số tiền 20.000.000 đồng, không nói thời hạn, lãi suất trong hạn 3% tháng, có làm giấy mượn tiền ghi ngày 20/12/2019

Đến ngày 29/4/2020 (âl) vợ chồng ông tiếp tục vay thêm của ông Bùi Thế N số tiền 10.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 lần là 30.000.000 đồng, vợ ông có trả lãi cho ông N, việc trả lãi này ông không rõ trả đến thời điểm nào thì ngưng lãi, đối với nợ gốc thì chưa trả.

Tại tòa hôm nay ông xác nhận vợ chồng ông còn nợ của ông Bùi Thế N 30.000.000 đồng nợ gốc, còn lãi thì để vợ ông xác định lại.

Do bận việc làm ăn nên, vợ ông không đến tòa làm việc được.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:**

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc độc lập xét xử và chỉ tuân đúng theo pháp luật theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; về Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 237, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật;

2. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Bùi Thế N đối với vợ chồng ông Phan Tấn T, bà Bùi Thị Thanh M, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc ông Phan Tấn T, bà Bùi Thị Thanh M phải hoàn trả tiền gốc là 30.000.000 đồng cho ông Bùi Thế N.

- Về án phí: vợ chồng ông Phan Tấn T, bà Bùi Thị Thanh M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Thế N yêu cầu

khởi kiện buộc vợ chồng ông T, bà M phải trả cho ông toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến ngày xét xử, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, lời thừa nhận và nơi cư trú của bị đơn, thì đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện tại Tòa án, thì ông Bùi Thế N khởi kiện đối với vợ chồng ông Phan Tấn T, bà Bùi Thị Thanh M, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Tấn T chỉ đến tòa làm việc vào ngày 05/4/2023, kể từ sau đó thì vợ chồng ông T từ chối nhận giấy triệu tập và cố tình lẩn tránh, không chấp hành theo giấy triệu tập và tại tòa hôm nay vợ chồng bị đơn ông T, bà M đều vắng mặt không lý do, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung vụ kiện và chứng cứ chứng minh:

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Thế N yêu cầu vợ chồng ông Phan Tấn T, bà Bùi Thị Thanh M phải trả cho ông toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Tại phiên tòa hôm nay Bùi Thế N chỉ yêu cầu vợ chồng ông Phan Tấn T, bà Bùi Thị Thanh M phải trả cho ông toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng, đối với tiền lãi thì ông N tự nguyện không yêu cầu buộc vợ chồng ông T, bà M phải trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2023, ông Phan Tấn T thừa nhận vợ chồng ông có vay của ông Bùi Thế N 02 lần tổng cộng nợ gốc là 30.000.000 đồng, vợ ông có trả lãi cho ông N, việc trả lãi này ông không rõ trả đến thời điểm nào thì ngưng lãi, đối với nợ gốc thì chưa trả. Lời thừa nhận của ông T phù hợp với chứng cứ của ông Bùi Thế N đã cung cấp cho Tòa án là Giấy mượn tiền ghi ngày 20/12/2019.

Hội đồng xét xử, xét thấy hợp đồng vay tiền theo Giấy mượn tiền ghi ngày 20/12/2019 giữa vợ chồng ông T, bà M với ông N xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông T, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó nguyên đơn ông Bùi Thế N yêu cầu vợ chồng bị đơn ông T, bà M phải hoàn trả cho ông toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tự nguyện không yêu cầu tính lãi là đúng pháp luật có căn cứ chấp nhận.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích nêu trên, nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ vào:** khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**2. Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc vợ chồng ông Phan Tấn T, bà Bùi Thị Thanh M phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Bùi Thế N toàn bộ số nợ là **30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)**.

**3. Về án phí:**

- Vợ chồng ông Phan Tấn T, bà Bùi Thị Thanh M phải nộp 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Bùi Thế N là người cao tuổi, nên được miễn đóng tạm ứng án phí và án phí theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án phải chịu khoản tiền trả lãi, của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**4. Về quyền kháng cáo:** án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2023). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKS (tỉnh + huyện);
- Chi cục THA huyện;
- Đường sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thạch**